UBND TỈNH THANH HOÁ
TRUNG TÂM GDQPAN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Số: 57/QĐ-GDQPAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh đợt 3 năm 2023

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm GDQPAN; liên kết GDQPAN của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc đổi tên Trung tâm Giáo dục quốc phòng an ninh – sinh viên Thanh Hoá thành Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Hồng Đức và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-ĐHHĐ ngày 30/08/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả môn học GDQPAN;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét cấp chứng chỉ GDQPAN đợt 3 năm 2023 họp ngày 08/8/2023;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả và cấp chứng chỉ GDQPAN cho 699 người học Trường Đại học Hồng Đức, 314 người học Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá và 184 người học Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hoá đã hoàn thành chương trình môn học GDQPAN *(Có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Ban đào tạo và Quản lý sinh viên có nhiệm vụ tổ chức cấp chứng chỉ GDQPAN cho người học theo danh sách trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các Ông (bà) Trưởng Ban ĐT&QLSV, Trưởng Ban HCHC-KT, Trưởng Bộ môn, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐ GDQPAN tỉnh, BGH Trường ĐHHĐ (Để báo cáo);
- Ban Giám đốc TT, Trường ĐH VHTT&DL; Trường CĐCN
- Như Điều 3;
- Lưu : VT, Ban ĐT&QLSV.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Bùi Văn Dũng

UBND TỈNH THANH HÓA
TRUNG TÂM GDQPAN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 8 năm 2023

DANH SÁCH
Người học Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá được cấp chứng chỉ GDQPAN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-GDQPAN, ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm GDQPAN Trường Đại học Hồng Đức)

TT Tổng	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
1	c49	22CNTrT01	Trần Đại	Phúc	04/5/20004	CNTT K11	6.9	Trung bình	
2	c49	21TN08	Lê Như	Hoàng	19/11/2000	ĐHTNK10	7.9	Khá	
3	c49	20TN10	Trần Anh	Nghĩa	20/11/2002	ĐHTNK9	8.4	Giỏi	
4	c49	20TN05	Lê Văn	Huy	28/01/2002	ĐHTNK9	8.0	Giỏi	
5	c49	22DH10	Lò Văn	Vũ	07/05/2004	Đồ Họa K11	8.6	Giỏi	
6	c49	19QLTDTT09	Phạm Tuấn	Anh	23/08/1993	QLTDTTK8	8.4	Giỏi	
7	c49	19QLTDTT04	Lê Duy	Hùng	27/01/2001	QLTDTTK8	8.0	Giỏi	
8	c49	19QLTDTT06	Lê Hùng	Tướng	01/10/1991	QLTDTTK8	7.2	Khá	
9	c49	20QLTDTT06	Trần Văn	Đức	10/07/2002	QLTDTTK9	9.4	Xuất sắc	
10	c49	20QLTDTT02	Trịnh Đình	Hậu	27/07/1998	QLTDTTK9	8.2	Giỏi	
11	c49	20QLTDTT09	Vi Văn	Hoan	08/03/2000	QLTDTTK9	7.6	Khá	
12	c49	20QLTDTT07	Vũ Văn	Quân	21/09/2002	QLTDTTK9	7.5	Khá	
13	c49	20QLTDTT04	Nguyễn Duy	Tuyến	20/05/1994	QLTDTTK9	7.4	Khá	
14	c49	22SPAN01	Cao Quốc	An	21/01/2004	SPANK11	6.5	Trung bình	
15	c49	22DH11	Lê Ngọc	Tài	28/12/2004	Đồ Họa K11	8.3	Giỏi	
16	c49	22QTKS 22	Nguyễn Hữu	Nguyên	29/12/2004	QTKS K11	8.3	Giỏi	
17	c49	22CTXH01	Vũ Thị Khánh	Linh	27/02/2004	CTXH K11	8.4	Giỏi	
18	c49	19TN09	Lê Thị	Phương	12/04/2000	ĐHTNK9	8.4	Giỏi	
19	c49	22DL02	Nguyễn Thị Vân	Anh	01/06/2004	Du Lịch K11	8.2	Giỏi	
20	c49	22DL03	Phan Thị	Duyên	03/01/2004	Du Lịch K11	8.5	Giỏi	
21	c49	22DL04	Nguyễn Thị	Gái	25/01/2004	Du Lịch K11	8.3	Giỏi	
22	c49	22DL05	Nguyễn Thị	Hòa	13/05/2004	Du Lịch K11	7.6	Khá	
23	c49	22DL06	Nguyễn Thị	Huyền	22/08/2004	Du Lịch K11	8.3	Giỏi	
24	c49	22DL07	Nguyễn Hồng	Ngọc	15/12/2004	Du Lịch K11	7.8	Khá	
25	c49	22DL08	Nguyễn Thị	Trang	01/11/2004	Du Lịch K11	8.1	Giỏi	
26	c49	20QLTDTT01	Lê Thị Vân	Anh	29/02/2000	QLTDTTK9	8.3	Giỏi	
27	c49	20QLTDTT03	Tạ Trang	Thư	22/10/1991	QLTDTTK9	8.3	Giỏi	
28	c49	22DL01	Đoàn Bình	An	02/11/2004	Du Lịch K11	7.9	Khá	
29	c49	22NNA01	Hà Thị Ngọc	Ánh	14/12/2004	NNAK11	8.3	Giỏi	
30	c49	22NNA04	Nguyễn Thị Trà	My	16/10/2004	NNAK11	8.7	Giỏi	
31	c49	22NNA05	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	10/01/2004	NNAK11	8.8	Giỏi	
32	c49	22NNA10	Nguyễn Thị	Nga	18/01/2004	NNAK11	8.5	Giỏi	
33	c49	22NNA06	Lê Thị Yến	Nhi	10/02/2004	NNAK11	8.3	Giỏi	
34	c49	22NNA08	Vi Thị	Trang	16/01/2002	NNAK11	8.7	Giỏi	
35	c49	22NNA09	Nguyễn Hạ	Vy	30/11/2004	NNAK11	8.7	Giỏi	
36	c49	21TCTN14	Phạm Thanh	Thảo	21/01/2006	TCNK K33	7.7	Khá	
37	c49	22TT01	Trương Thị Lan	Anh	15/07/2004	TKTT K11	7.9	Khá	

TT Tổng	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
38	c49	22TT02	Nguyễn Thị	Minh	10/08/2004	TKTT K11	7.7	Khá	
39	c49	22GDMNA01	Hồ Thị Phương	Anh	18/05/2004	GDMNK11A	8.1	Giỏi	
40	c49	22GDMNA02	Vũ Lan	Anh	07/07/2004	GDMNK11A	8.5	Giỏi	
41	c49	22GDMNA03	Phạm Ngọc	Bích	04/06/2004	GDMNK11A	7.5	Khá	
42	c49	22GDMNA04	Lê Thùy	Dung	04/10/2002	GDMNK11A	8.5	Giỏi	
43	c49	22GDMNA05	Nguyễn Châu	Giang	01/11/2004	GDMNK11A	8.2	Giỏi	
44	c49	22DH03	Nguyễn Thái	Bình	12/08/2004	Đồ Họa K11	7.0	Khá	
45	c49	22DH04	Cao Trí	Cường	07/09/2004	Đồ Họa K11	8.3	Giỏi	
46	c49	22DH05	Phạm Ngọc	Hiếu	02/03/2004	Đồ Họa K11	7.7	Khá	
47	c49	22DH06	Nguyễn Xuân	Hoàn	25/12/2003	Đồ Họa K11	7.8	Khá	
48	c49	22DH07	Lê Nhật	Minh	06/10/2004	Đồ Họa K11	7.7	Khá	
49	c49	22DH08	Trần Trung	Quân	22/03/2004	Đồ Họa K11	7.7	Khá	
50	c49	22SPMT09	Hà Hải	Đăng	25/01/2004	SPMT K11	7.8	Khá	
51	c49	22QTKS 12	Cao Văn	Long	29/02/2004	QTKS K11	8.5	Giỏi	
52	c49	22GDMNA27	Lê Thị	Thanh	18/03/2004	GDMNK11A	7.9	Khá	
53	c49	22GDMNA28	Nguyễn Thị Quỳnh	Thư	19/05/2004	GDMNK11A	8.3	Giỏi	
54	c49	22GDMNA29	Bùi Thị	Trang	20/05/2004	GDMNK11A	6.9	Trung bình	
55	c49	22GDMNA30	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/11/2004	GDMNK11A	7.4	Khá	
56	c49	22GDMNA31	Trịnh Thị Huyền	Trang	27/01/2004	GDMNK11A	7.4	Khá	
57	c49	22GDMNA32	Nguyễn Tuyết	Trinh	29/02/2004	GDMNK11A	7.7	Khá	
58	c49	22GDMNA33	Trương Thị	Vân	26/11/2004	GDMNK11A	8.3	Giỏi	
59	c49	22GDMNA35	Lữ Hoàng	Yến	01/07/2004	GDMNK11A	7.3	Khá	
60	c49	22DH01	Lương Huệ	Anh	23/06/2004	Đồ Họa K11	8.4	Giỏi	
61	c49	22DH02	Nguyễn Lan	Anh	25/09/2004	Đồ Họa K11	7.5	Khá	
62	c49	22DH09	Đỗ Thị Hà	Thu	11/06/2004	Đồ Họa K11	6.9	Trung bình	
63	c49	22GDMNA06	Nguyễn Thị Thanh	Hà	13/10/2004	GDMNK11A	8.3	Giỏi	
64	c49	22GDMNA07	Mai Thị	Hằng	15/10/2003	GDMNK11A	7.5	Khá	
65	c49	22GDMNA08	Lê Thị	Hoan	01/08/2004	GDMNK11A	7.9	Khá	
66	c49	22GDMNA10	Phạm Kim	Hồng	17/06/2004	GDMNK11A	8.5	Giỏi	
67	c49	22GDMNA11	Lê Phạm Thị Thu	Huyền	15/11/2004	GDMNK11A	7.7	Khá	
68	c49	22GDMNA12	Tặng Thị	Lan	01/04/2004	GDMNK11A	8.5	Giỏi	
69	c49	22GDMNA13	Bùi Thị Ngọc	Linh	18/11/2004	GDMNK11A	7.7	Khá	
70	c49	22GDMNA14	Lê Thị	Linh	29/02/2004	GDMNK11A	8.0	Giỏi	
71	c49	22GDMNA15	Nguyễn Thị Khánh	Linh	24/09/2004	GDMNK11A	7.5	Khá	
72	c49	22GDMNA16	Phạm Thị	Linh	07/07/2004	GDMNK11A	8.0	Giỏi	
73	c49	22GDMNA17	Trần Thùy	Linh	01/09/2004	GDMNK11A	7.3	Khá	
74	c49	22GDMNA18	Trương Khánh	Linh	03/06/2004	GDMNK11A	7.8	Khá	
75	c49	22GDMNA19	Hồ Hà	My	18/11/2004	GDMNK11A	8.0	Giỏi	
76	c49	22GDMNA20	Nguyễn Thị	Ngân	21/09/2003	GDMNK11A	7.5	Khá	
77	c49	22GDMNA21	Sung Thị	Ngọc	09/10/2004	GDMNK11A	7.6	Khá	
78	c49	22GDMNA22	Phạm Thị	Nguyệt	05/09/2004	GDMNK11A	7.6	Khá	
79	c49	22GDMNA23	Hà Thị	Nhung	26/02/2004	GDMNK11A	8.0	Giỏi	
80	c49	22GDMNA24	Nguyễn Thị	Nhung	07/10/2004	GDMNK11A	7.7	Khá	
81	c49	22GDMNA25	Nguyễn Xuân	Quý	28/11/2004	GDMNK11A	6.3	Trung bình	
82	c49	22GDMNA26	Nguyễn Như	Quỳnh	23/10/2004	GDMNK11A	8.7	Giỏi	
83	c50	22QLTDTT19	Trần Trọng	Nghĩa	14/01/2004	GDTCK11	7.3	Khá	
84	c50	22GDTC16	Nguyễn Hoàng	Nguyên	31/05/2004	GDTCK11	7.8	Khá	
85	c50	22GDTC20	Hà Dương	Thụ	11/02/2004	GDTCK11	7.6	Khá	

TT Tổng	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
86	c50	22GDTC21	Lưu Bá	Vinh	01/11/2004	GDTCK11	6.8	Trung bình	
87	c50	22luat03	Lê Anh	Tuấn	23/03/2003	Luật K11	8.0	Giỏi	
88	c50	20Luat03	Lê Ngọc Trường	Giang	26/06/2002	Luật K9	9.0	Xuất sắc	
89	c50	22QLVH	Đỗ Quang	Vương	22/06/2000	QLVH K11	7.6	Khá	
90	c50	22GDTC05	Trần Thị Tuyết	Chinh	02/05/2004	GDTCK11	7.5	Khá	
91	c50	22GDTC10	Nguyễn Vũ Khánh	Huyền	15/03/2004	GDTCK11	8.0	Giỏi	
92	c50	22GDTC17	Hà Ngọc	Nhi	03/06/2004	GDTCK11	6.8	Trung bình	
93	c50	18Luat02	Trần Thị Hà	Phương	22/04/2000	Luật K2	8.1	Giỏi	
94	c50	22GDMND01	Phạm Hoài	Anh	24/02/2004	GDMNK11D	6.6	Trung bình	
95	c50	22GDMND02	Trịnh Thị Lan	Anh	28/03/2004	GDMNK11D	7.8	Khá	
96	c50	22GDMND03	Phạm Hoài	Băng	26/05/2004	GDMNK11D	6.2	Trung bình	
97	c50	22GDMND04	Phùng Thị Kim	Chi	14/02/2004	GDMNK11D	8.1	Giỏi	
98	c50	22GDMND05	Trần Thanh	Diện	25/08/2004	GDMNK11D	7.6	Khá	
99	c50	22GDMND06	Mai Thị	Duyên	08/03/2004	GDMNK11D	8.0	Giỏi	
100	c50	22GDMND07	Quản Thị Thùy	Dương	10/04/2004	GDMNK11D	7.4	Khá	
101	c50	22GDMND08	Lê Thị	Hà	15/06/2004	GDMNK11D	7.1	Khá	
102	c50	22GDMND09	Mai Thị	Hằng	10/09/2003	GDMNK11D	8.0	Giỏi	
103	c50	22GDMND10	Lường Thị	Hiền	06/04/2004	GDMNK11D	7.9	Khá	
104	c50	22GDMND11	Lê Thị	Hoài	11/11/2004	GDMNK11D	7.1	Khá	
105	c50	22GDMND13	Vũ Thị	Huệ	05/05/2004	GDMNK11D	7.8	Khá	
106	c50	22GDMND14	Bùi Minh	Huyền	27/02/2004	GDMNK11D	8.2	Giỏi	
107	c50	22GDMND15	Lê Thị	Linh	26/04/2004	GDMNK11D	7.8	Khá	
108	c50	22GDMND16	Ngô Thùy	Linh	27/02/2004	GDMNK11D	7.4	Khá	
109	c50	22GDMND17	Hà Thị Trà	My	16/08/2004	GDMNK11D	7.4	Khá	
110	c50	22GDMND18	Lê Thúy	Nga	24/10/2004	GDMNK11D	7.2	Khá	
111	c50	22GDMND19	Phạm Thị	Ngọc	10/04/2004	GDMNK11D	6.6	Trung bình	
112	c50	22GDMND20	Nguyễn Linh	Nhi	06/06/2003	GDMNK11D	7.1	Khá	
113	c50	22GDMND21	Mai Thị	Nhung	05/09/2004	GDMNK11D	7.7	Khá	
114	c50	22GDMND22	Mai Thị	Phương	09/07/2004	GDMNK11D	7.2	Khá	
115	c50	22GDMND29	Lê Thị Quỳnh	Trang	06/04/2004	GDMNK11D	7.1	Khá	
116	c50	22GDMND23	Nguyễn Thị Hoài	Phương	01/08/2004	GDMNK11D	7.7	Khá	
117	c50	22GDMND24	Đồng Thị Hoa	Phượng	18/02/2004	GDMNK11D	7.6	Khá	
118	c50	22GDMND25	Lê Thị	Quỳnh	11/12/2004	GDMNK11D	7.6	Khá	
119	c50	22GDMND26	Nguyễn Thị Minh	Tâm	18/02/2004	GDMNK11D	6.8	Trung bình	
120	c50	22GDMND27	Nguyễn Phương	Thảo	13/07/2004	GDMNK11D	7.3	Khá	
121	c50	22GDMNB01	Lê Mai Phương	Anh	02/09/2004	GDMN K11B	8.9	Giỏi	
122	c50	22GDTC01	Vi Tuấn	Anh	17/05/2004	GDTCK11	7.9	Khá	
123	c50	22GDTC02	Nguyễn Quang	Bách	29/08/2003	GDTCK11	6.9	Trung bình	
124	c50	22GDTC04	Trần Văn	Chiến	19/11/2003	GDTCK11	7.5	Khá	
125	c50	22GDTC07	Cao Văn	Hảo	26/11/2001	GDTCK11	8.6	Giỏi	
126	c50	22GDTC11	Hoàng Minh	Hưng	25/08/2003	GDTCK11	7.1	Khá	
127	c50	22GDTC09	Nguyễn Đức	Huy	16/06/2004	GDTCK11	7.2	Khá	
128	c50	22GDTC12	Trần Nguyễn Hoàng	Lâm	29/11/2004	GDTCK11	8.4	Giỏi	
129	c50	22GDTC14	Hà Văn	Minh	13/07/2004	GDTCK11	7.6	Khá	
130	c50	22GDMNB02	Hoàng Thị Minh	Ánh	28/09/2004	GDMN K11B	6.8	Trung bình	
131	c50	22GDMNB03	Phạm Lê Thanh	Bình	26/10/2004	GDMN K11B	8.3	Giỏi	
132	c50	22GDMNB04	Vũ Thị Kim	Chi	06/05/2004	GDMN K11B	9.1	Xuất sắc	
133	c50	22GDMNB05	Phan Thị Thuỳ	Dung	26/09/2004	GDMN K11B	8.4	Giỏi	

TT Tổng	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
134	c50	22GDMNB06	Trần Thị Mỹ	Duyên	14/10/2004	GDMN K11B	7.9	Khá	
135	c50	22GDMNB07	Trần Thị	Giang	15/01/2002	GDMN K11B	8.1	Giỏi	
136	c50	22GDMNB08	Lê Thị Diễm	Hằng	28/06/2000	GDMN K11B	7.5	Khá	
137	c50	22GDMNB10	Nguyễn Thị	Hoà	12/10/2004	GDMN K11B	7.2	Khá	
138	c50	22GDMNB11	Lê Thị Ánh	Hồng	23/10/2003	GDMN K11B	7.8	Khá	
139	c50	22GDMNB14	Nguyễn Thị	Huyền	21/02/2004	GDMN K11B	7.1	Khá	
140	c50	22GDMNB15	Cao Khánh	Linh	24/10/2004	GDMN K11B	8.6	Giỏi	
141	c50	22GDMNB16	Lê Thị	Linh	26/01/2004	GDMN K11B	7.5	Khá	
142	c50	22GDMNB17	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	27/05/2004	GDMN K11B	7.3	Khá	
143	c50	22GDMNB18	Vũ Thị Thuỳ	Linh	02/10/2004	GDMN K11B	7.6	Khá	
144	c50	22GDMNB19	Mai Lê	Na	28/06/2004	GDMN K11B	7.3	Khá	
145	c50	22GDMNB20	Vũ Thị	Ngân	10/05/2004	GDMN K11B	7.6	Khá	
146	c50	22GDMNB21	Đỗ Thị Hồng	Nhung	03/07/2004	GDMN K11B	7.1	Khá	
147	c50	22GDMNB22	Bùi Duy	Ny	02/06/2004	GDMN K11B	7.3	Khá	
148	c50	22GDMNB23	Nguyễn Thuỳ	Phương	01/12/2004	GDMN K11B	9.0	Xuất sắc	
149	c50	22GDMNB24	Lương Hồng	Quyên	13/06/2004	GDMN K11B	7.8	Khá	
150	c50	22GDMNB25	Hơ Thị	Sinh	14/10/2004	GDMN K11B	7.5	Khá	
151	c50	22GDMNB26	Lê Thị	Tâm	25/10/2004	GDMN K11B	6.8	Trung bình	
152	c50	22GDMNB27	Mai Thị Hoài	Thương	03/09/2004	GDMN K11B	7.5	Khá	
153	c50	22GDMNB28	Đàm Thị Huyền	Trang	19/08/2004	GDMN K11B	7.2	Khá	
154	c50	22GDMNB29	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	21/01/2004	GDMN K11B	6.5	Trung bình	
155	c50	22GDMNB30	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	30/08/2003	GDMN K11B	7.2	Khá	
156	c50	22GDMNB31	Lộc Thị Ngọc	Uyên	20/10/2004	GDMN K11B	7.0	Khá	
157	c50	22GDMNB32	Nguyễn Thị Mai	Uyên	18/01/2004	GDMN K11B	7.2	Khá	
158	c50	22GDMNB33	Hà Tường	Vy	05/06/2004	GDMN K11B	7.4	Khá	
159	c50	22GDMNB34	Phan Thị	Vy	11/08/2004	GDMN K11B	6.8	Trung bình	
160	c50	22GDMNB35	Nguyễn Thị	Yến	30/05/2004	GDMN K11B	6.7	Trung bình	
161	c51	22QLNN05	Nguyễn Khắc	Ngọc	16/07/2003	QLNNK11	7.7	Khá	
162	c51	22QLNN02	Phạm Tiến	Đạt	06/07/2000	QLNNK11	8.0	Giỏi	
163	c51	22DLLH07	Lê Minh	Kiên	27/10/2004	QTDVDL&LH K11	6.6	Trung bình	
164	c51	22DLLH12	Vũ Văn	Thanh	05/12/2004	QTDVDL&LH K11	7.4	Khá	
165	c51	21SPAN09	Lữ Quốc	Dũng	03/12/2002	SPANK10	8.0	Giỏi	
166	c51	21SPAN14	Trần Trung	Hiếu	18/10/2002	SPANK10	8.5	Giỏi	
167	c51	21SPAN08	Nguyễn Lê Hà	Duy	24/09/2003	SPANK10	7.5	Khá	
168	c51	22SPMT01	Cao Tuấn	Anh	18/02/2004	SPMT K11	7.5	Khá	
169	c51	22SPMT02	Nguyễn Huy	Anh	30/06/2004	SPMT K11	7.1	Khá	
170	c51	22SPMT13	Trương Bảo	Long	10/03/2004	SPMT K11	8.1	Giỏi	
171	c51	22SPMT19	Nguyễn Bá	Tú	07/04/2004	SPMT K11	7.9	Khá	
172	c51	21TTTV	Lê Huy	Hoàng	02/08/2003	TTTV K10	7.2	Khá	
173	c51	22TTTV01	Chu Văn	Nhật	24/09/2002	TTTV K11	7.5	Khá	
174	c51	22TN10	Phạm Tuấn	Thành	29/05/2004	TNK11	7.9	Khá	
175	c51	22GDMND28	Hà Thanh	Thúy	14/10/2004	GDMNK11D	7.2	Khá	
176	c51	22GDMND31	Cao Thị Cẩm	Vân	05/02/2004	GDMNK11D	7.7	Khá	
177	c51	22GDMND32	Trương Thị	Vân	30/05/2004	GDMNK11D	7.5	Khá	
178	c51	22GDMND33	Nguyễn Thị Phương	Vy	19/06/2004	GDMNK11D	7.6	Khá	
179	c51	22GDMND34	Nguyễn Thanh	Xuân	22/01/2004	GDMNK11D	8.3	Giỏi	
180	c51	22DLLH02	Nguyễn Thị	Anh	03/08/2003	QTDVDL&LH K11	7.1	Khá	
181	c51	22DLLH05	Lê Thị	Hương	05/02/2004	QTDVDL&LH K11	8.2	Giỏi	

TT Tổng	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
182	c51	22DLLH06	Đào Thị	Hường	30/08/2004	QTDVDL&LH K11	7.4	Khá	
183	c51	22DLLH09	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	22/05/2004	QTDVDL&LH K11	7.5	Khá	
184	c51	22DLLH10	Trần Thị	Nguyệt	27/07/2004	QTDVDL&LH K11	7.7	Khá	
185	c51	21SPAN28	Lê Thị Linh	Nga	25/09/2003	SPANK10	8.3	Giỏi	
186	c51	21SPAN43	Hà Thị	Trà	22/12/2003	SPANK10	6.8	Trung bình	
187	c51	21SPAN45	Phạm Khánh	Linh	15/07/2003	SPANK10	8.1	Giỏi	
188	c51	21SPAN21	Lê Thị Tuyết	Nhi	03/01/2003	SPANK10	7.1	Khá	
189	c51	22SPMT03	Nguyễn Trâm	Anh	02/05/2004	SPMT K11	7.0	Khá	
190	c51	22SPMT04	Hà Ngọc	Ánh	07/05/2002	SPMT K11	6.8	Trung bình	
191	c51	22SPMT05	Hoàng Ngọc Yến	Chi	05/09/2004	SPMT K11	8.7	Giỏi	
192	c51	22SPMT06	Lò Thị San	Chi	15/06/2004	SPMT K11	7.8	Khá	
193	c51	22SPMT07	Vũ Ngọc Linh	Chi	16/02/2004	SPMT K11	6.9	Trung bình	
194	c51	22SPMT08	Cao Hà	Duyên	14/11/2002	SPMT K11	7.7	Khá	
195	c51	22TN02	Đào Thị Quỳnh	Anh	04/01/2004	TNK11	8.4	Giỏi	
196	c51	22TN05	Nguyễn Thúy	Hạnh	24/03/2004	TNK11	7.5	Khá	
197	c51	22TN06	Hoàng Thị	Hiền	24/11/2004	TNK11	7.4	Khá	
198	c51	22TN07	Nguyễn Thúy	Hường	18/03/2004	TNK11	8.2	Giỏi	
199	c51	22TN11	Mai Phương	Thảo	06/02/2004	TNK11	8.4	Giỏi	
200	c51	22SPAN04	Lê Ngọc	Cường	01/09/2002	SPANK11	8.1	Giỏi	
201	c51	22SPAN05	Nguyễn Văn	Cường	08/06/2022	SPANK11	8.6	Giỏi	
202	c51	22SPAN09	Ngô Ngọc	Đạt	10/03/2003	SPANK11	7.6	Khá	
203	c51	22SPAN17	Sùng A	Hùng	17/06/2004	SPANK11	7.5	Khá	
204	c51	22SPAN19	Lê Gia	Khoa	17/12/2003	SPANK11	8.0	Giỏi	
205	c51	22SPAN40	Trần Văn	Tuấn	16/02/2004	SPANK11	7.9	Khá	
206	c51	22SPAN43	Lưu Văn	Hoàng	25/05/2004	SPANK11	7.8	Khá	
207	c51	22SPAN02	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	23/12/2003	SPANK11	8.0	Giỏi	
208	c51	22SPAN03	Lương Thị Quỳnh	Chi	10/11/2004	SPANK11	7.7	Khá	
209	c51	22SPAN06	Lê Thị	Dung	15/07/2001	SPANK11	8.0	Giỏi	
210	c51	22SPAN08	Trịnh Thị Ý	Duyên	12/12/2004	SPANK11	7.0	Khá	
211	c51	22SPAN11	Trần Thị	Hằng	25/11/2004	SPANK11	8.0	Giỏi	
212	c51	22SPAN12	Lê Thu	Hiền	24/04/2004	SPANK11	7.3	Khá	
213	c51	22SPAN14	Trịnh Minh	Hồng	24/11/2003	SPANK11	7.7	Khá	
214	c51	22SPAN15	Nguyễn Minh	Huệ	19/09/2004	SPANK11	7.4	Khá	
215	c51	22SPAN16	Đinh Thị Thu	Huyền	17/03/2003	SPANK11	7.4	Khá	
216	c51	22SPAN20	Nguyễn Thị	Lan	27/04/2004	SPANK11	7.8	Khá	
217	c51	22SPAN21	Mai Khánh	Linh	24/09/2004	SPANK11	7.0	Khá	
218	c51	22SPAN22	Thao Thị Khánh	Linh	13/07/2004	SPANK11	8.4	Giỏi	
219	c51	22SPAN25	Vi Thị Khánh	Ly	06/06/2004	SPANK11	7.0	Khá	
220	c51	22SPAN26	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	05/12/2002	SPANK11	7.7	Khá	
221	c51	22SPAN27	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	03/10/2004	SPANK11	7.4	Khá	
222	c51	22SPAN28	Vũ Thị	Ngọc	15/08/2004	SPANK11	8.3	Giỏi	
223	c51	22SPAN30	Ngân Thị Yến	Nhi	11/04/2002	SPANK11	7.8	Khá	
224	c51	22SPAN31	Trịnh Yến	Nhi	06/12/2004	SPANK11	6.5	Trung bình	
225	c51	22SPAN32	Vũ Ngọc Yến	Nhi	10/11/2004	SPANK11	7.9	Khá	
226	c51	22SPAN33	Tống Kiều	Oanh	18/08/2004	SPANK11	7.8	Khá	
227	c51	22SPAN34	Phạm Thị	Thảo	09/12/2004	SPANK11	8.3	Giỏi	
228	c51	22SPAN37	Đặng Minh	Thư	04/07/2004	SPANK11	8.6	Giỏi	
229	c51	22SPAN39	Phạm Huyền	Trang	09/08/2004	SPANK11	7.7	Khá	

TT Tổng	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
230	c51	22SPMT10	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/07/2004	SPMT K11	6.9	Trung bình	
231	c51	22SPMT11	Hoàng Kiều	Linh	20/12/2004	SPMT K11	7.5	Khá	
232	c51	22SPMT14	Hà Thị Linh	Na	06/03/2004	SPMT K11	7.5	Khá	
233	c51	22SPMT15	Trương Hoàng Kim	Ngân	25/05/2004	SPMT K11	7.9	Khá	
234	c51	22SPMT16	Đỗ Thị Như	Quỳnh	10/03/2004	SPMT K11	7.9	Khá	
235	c51	22SPMT17	Lê Thị	Tình	07/07/2004	SPMT K11	8.0	Giỏi	
236	c51	22SPMT18	Trần Hà	Trang	30/12/2004	SPMT K11	8.3	Giỏi	
237	c51	22SPMT20	Nguyễn Khánh	Vân	16/06/2004	SPMT K11	7.2	Khá	
238	c52	22QTKS6	Nguyễn Văn	Đạt	04/04/2004	QTKS K11	7.8	Khá	
239	c52	22QTKS 08	Lê Thanh	Hà	30/10/2004	QTKS K11	7.4	Khá	
240	c52	22QTKS14	Trương Bảo	Long	27/07/2004	QTKS K11	7.6	Khá	
241	c52	22QTKS15	Phùng Văn	Lộc	14/02/2004	QTKS K11	7.4	Khá	
242	c52	22QTKS16	Ngô Hữu	Lương	13/02/2004	QTKS K11	7.6	Khá	
243	c52	22QTKS17	Hoàng Văn	Lượng	29/04/2004	QTKS K11	7.6	Khá	
244	c52	22QTKS19	Lê Thế	Mạnh	13/10/2004	QTKS K11	7.7	Khá	
245	c52	22QTKS20	Lê Văn	Nam	07/05/2004	QTKS K11	7.0	Khá	
246	c52	22DL09	Trương Thị Khánh	Chi	08/11/2004	QTKS K11	7.4	Khá	
247	c52	22QTKS 02	Lường Thị Kim	Anh	08/01/2004	QTKS K11	7.0	Khá	
248	c52	22QTKS4	Võ Thị Phương	Anh	13/10/2004	QTKS K11	7.8	Khá	
249	c52	22QTKS 07	Nguyễn Thị	Giang	30/10/2004	QTKS K11	7.1	Khá	
250	c52	22QTKS 09	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	07/08/2004	QTKS K11	7.6	Khá	
251	c52	22QTKS18	Trần Thị	Mai	06/10/2004	QTKS K11	7.9	Khá	
252	c52	22QTKS21	Nguyễn Thanh	Ngân	06/08/2004	QTKS K11	7.0	Khá	
253	c52	22QTKS 23	Phan Thị Ánh	Nguyệt	10/11/2004	QTKS K11	7.0	Khá	
254	c52	22QTKS25	Nguyễn Thị	Phú	06/01/2004	QTKS K11	8.0	Giỏi	
255	c52	22QTKS26	Đào Thị	Thảo	05/05/2004	QTKS K11	7.7	Khá	
256	c52	22QTKS27	Nguyễn Thị	Thảo	07/04/2004	QTKS K11	8.1	Giỏi	
257	c52	22QTKS 29	Lê Phạm Thị	Thu	07/08/2004	QTKS K11	8.6	Giỏi	
258	c52	22QTKS 30	Nguyễn Thị	Thúy	17/09/2003	QTKS K11	8.9	Giỏi	
259	c52	22QTKS 31	Phạm Thị	Trang	20/04/2004	QTKS K11	8.5	Giỏi	
260	c52	22GDMNC19	Đỗ Hồng	Nhung	18/02/2004	GDMNk11C	6.9	Trung bình	
261	c52	22GDMNC09	Trương Thị Mỹ	Hảo	24/09/2004	GDMNk11C	7.5	Khá	
262	c52	22GDMNC01	Nguyễn Thị	Anh	23/10/2004	GDMNk11C	7.2	Khá	
263	c52	22GDMNC18	Mai Thị Út	Nhi	11/04/2004	GDMNk11C	7.8	Khá	
264	c52	22GDMNC04	Thao Thị	Cú	14/06/2004	GDMNk11C	7.8	Khá	
265	c52	22GDMNC13	Hoàng Thị	Linh	01/06/2004	GDMNk11C	7.6	Khá	
266	c52	22GDMNC05	Lại Thuỳ	Dương	16/10/2004	GDMNk11C	8.1	Giỏi	
267	c52	22GDMNC06	Lê Thị	Giang	09/02/2004	GDMNk11C	8.1	Giỏi	
268	c52	22GDMNC17	Nguyễn Thị	Ngọc	10/10/2004	GDMNK11C	8.0	Giỏi	
269	c52	22GDMNC28	Phạm Thị	Tú	15/10/2004	GDMNK11C	7.9	Khá	
270	c52	22GDMNC26	Đỗ Thị Thanh	Trang	17/03/2004	GDMNK11C	6.2	Trung bình	
271	c52	22GDMNC33	Vi Thị Trâm	Anh	05/06/2002	GDMNK11C	7.3	Khá	
272	c52	22GDMNC25	Trần Thị	Thương	30/12/2004	GDMNK11C	6.9	Trung bình	
273	c52	22GDMNC07	Lê Thị Hương	Giang	14/05/2004	GDMNK11C	7.5	Khá	
274	c52	22GDMNC11	Hà Thương	Hoài	11/11/2004	GDMNK11C	7.1	Khá	
275	c52	22GDMNC14	Lường Thuỳ	Linh	19/07/2004	GDMNk11C	7.3	Khá	
276	c52	22GDMNC30	Lê Thị	Xuân	08/10/2004	GDMNK11C	7.5	Khá	
277	c52	22QTKS11	Cao Nhật	Linh	15/09/2004	QTKS K11	6.2	Trung bình	

TT Tổng	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
278	c52	22QTKS24	Phan Xuân	Nhật	28/12/2004	QTKS K11	7.2	Khá	
279	c52	22NKNCPT02	Vũ	Quân	09/09/2007	TCNK K34	7.7	Khá	
280	c52	22NKNCPT03	Lương Xuân	Thụ	05/04/2007	TCNK K34	7.1	Khá	
281	c52	22NKNCPT04	Trần Minh	Trí	14/08/2007	TCNK K34	7.3	Khá	
282	c52	22NKTN05	Nguyễn Văn	Hiếu	21/12/2007	TCNK K34	8.5	Giỏi	
283	c52	22NKTN06	Lê Văn	Huy	13/02/2007	TCNK K34	7.3	Khá	
284	c52	22GDMNC20	Nguyễn Thị	Oanh	24/08/2004	GDMNK11C	8.3	Giỏi	
285	c52	22GDMNC15	Phạm Thị	Lý	13/10/2003	GDMNK11C	7.8	Khá	
286	c52	22GDMNC12	Trịnh Thị	Là	20/10/2004	GDMNK11C	7.9	Khá	
287	c52	22GDMNC27	Trần Thị Huyền	Trang	29/10/2004	GDMNK11C	7.0	Khá	
288	c52	22GDMNC16	Lê Thị	Nga	31/10/2004	GDMNK11C	8.6	Giỏi	
289	c52	22GDMNC22	Vi Lệ	Quyên	23/04/2004	GDMNK11C	7.8	Khá	
290	c52	22GDMNC24	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	03/11/2004	GDMNK11C	7.4	Khá	
291	c52	22GDMNC02	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23/09/2004	GDMNK11C	7.7	Khá	
292	c52	22GDMNC10	Lê Thị Thanh	Hằng	01/12/2004	GDMNk11C	7.6	Khá	
293	c52	22GDMNC21	Trần Thị	Phương	16/02/2004	GDMNk11C	8.1	Giỏi	
294	c52	22GDMNC08	Hoàng Thị Cẩm	Hà	16/06/2004	GDMNK11C	7.8	Khá	
295	c52	22GDMNC29	Lương Triệu	Vy	22/05/2004	GDMNK11C	8.0	Giỏi	
296	c52	22GDMNC31	Lê Thị Kim	Oanh	13/03/2004	GDMNK11C	8.1	Giỏi	
297	c52	22GDMNC03	Lê Thị Ngọc	Châm	10/05/2004	GDMNK11C	9.0	Xuất sắc	
298	c52	22GDMNC23	Nguyễn Thanh	Thảo	19/08/2004	GDMNK11C	7.2	Khá	
299	c52	22GDMNC32	Cao Thị	Như	25/11/2004	GDMNK11C	8.4	Giỏi	
300	c52	22GDMNC34	Nguyễn Thị	Quỳnh	21/03/2003	GDMNK11C	8.4	Giỏi	
301	c52	22NKNCPT04	Ngô Linh	Đan	24/12/2006	TCNK K34	6.8	Trung bình	
302	c52	22NKTN02	Trương Chiêu	Anh	07/11/2007	TCNK K34	6.8	Trung bình	
303	c52	22NKTN03	Trần Thị Thùy	Dương	04/02/2007	TCNK K34	5.9	Trung bình	
304	c52	22NKTN07	Lê Thị Khánh	Huyền	25/06/2007	TCNK K34	6.3	Trung bình	
305	c52	22NKTN08	Trịnh Khánh	Huyền	03/04/2007	TCNK K34	6.3	Trung bình	
306	c52	22NKTN09	Nguyễn Khánh	Linh	10/11/2005	TCNK K34	7.9	Khá	
307	c52	22NKTN11	Nguyễn Thùy	Linh	18/12/2007	TCNK K34	7.3	Khá	
308	c52	22NKTN14	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	26/11/2007	TCNK K34	6.3	Trung bình	
309	c52	22NKTN15	Đinh Thị Quỳnh	Như	20/04/2007	TCNK K34	7.9	Khá	
310	c52	22NKTN16	Hắc Thị Dạ	Thảo	03/02/2006	TCNK K34	8.1	Giỏi	
311	c52	22NKTN17	Trịnh Thị Phương	Thảo	03/11/2007	TCNK K34	6.8	Trung bình	
312	c52	22NKTN18	Lê Thị Anh	Thư	18/05/2006	TCNK K34	5.7	Trung bình	
313	c52	22NKTN20	Nguyễn Thị Kim	Oanh	20/04/2007	TCNK K34	8.1	Giỏi	
314	c52	22NKTN40	Nguyễn Thị Phương	Linh	03/02/2004	TCNK K34	8.5	Giỏi	

(Ấn định danh sách có 314 người học)

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Bùi Văn Dũng